

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH TẬP GIẢI

Sưu Tập trình bày: Pháp sư Bảo Lượng-Đời Lương.

QUYỂN 31

Phẩm 19: THÁNH HẠNH (Phần 5)

- Giải thích rộng Tập đế, lấy Ái làm Thế.
- Giải thích hai thứ Ái:
 1. Yêu bản thân mình.
 2. Yêu vật cần dùng.
- Lại giải thích hai thứ Ái:
 1. Yêu điều lành.
 2. Yêu việc không lành.
- Nêu chín việc để dụ về Ái.
- Giải thích: Bồ-tát không có khổ, có đế. Các Thanh văn có khổ, có đế.
 - Giải thích rộng về nghĩa thấy diệt đế.
 - Giải thích rộng nghĩa Đạo đế.
 - Giải thích rộng nghĩa Đạo là một, tùy theo pháp mà khác.

“Này người thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát” cho đến “Phân biệt, tính toán, vô lượng, vô biên.”
- Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lại yêu “Hữu”, nghĩa là ba hữu.”
- Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước đã nói lược, nay là nói rộng. Kế là hội thông. Sau, nói về quán hạnh. Nhân duyên của ấm này, là do nghiệp phiền não, được quả ấm ở vị lai.
- Lại yêu “Hữu”: Xưa do nghiệp phiền não nên có thân, nay lại yêu ba cõi nên lại dẫn đến sự sinh. Nhân duyên nghiệp ái: là vì nghiệp đời trước nên khởi ái, theo tập quán. Ái nhân duyên phiền não, như người nặng về sân, thường ưa thích binh khí. Ái nhân duyên của khổ, như người bị bệnh, thích châm cứu.”
- Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là giải thích về Tập đế, nói về nghiệp

và phiền não cấu kết với quả báo sinh tử ở vị lai, nối tiếp sinh khởi, được gọi là Tập. Trong phần nói về Tập đế, này cũng có ba ý. Nhưng đoạn văn vừa, nhỏ từ trái sang phải, không như thứ lớp trong khổ đế:

1. Giải thích về tướng của Tập đế.
2. Hội thông.
3. Quán lỗi.

Nay trong phẩm này nói về Tập đế đều căn cứ vào sử ái, làm nguyên nhân. Vì sao? Vì ái có công năng thấm nhuần nghiệp, lại còn tươi nhuận. Vì được sinh là do mình. Vì cho nên chẳng phải ái, sẽ không thành nghiệp. Cho nên y cứ ái mà gom nhóm. Sao chép cảm đến duyên của ấm cùng tận. Nhưng tánh chất của ái là ô nhiễm hệ lụy. Về sự thì chẳng có pháp nào không từ nó sinh ra, nên trong văn có nói rộng, về ái, đúng đầu các duyên.

Yêu bản thân mình, là yêu chánh báo, các nhu cầu cần thiết cho mình, được gọi là y báo, như nghiệp công xảo... Những sự nghiệp được hoàn thành, bảo hộ, vương mang, cùng mọi thứ đẹp đẽ, thỏa thích ở trong lòng, được gọi là ái của nghiệp nhân duyên. Nếu gặp phải cảnh ngang trái khởi tâm thì gọi là nuốt hận từ xưa.

Lại tu tâm này cho được tốt đẹp, lại bị nhân duyên ái của phiền não, đau khổ rồi muốn quay lưng lại. Nếu lìa “Ngã” mà hợp với tình thì sẽ không có khổ này, mà tâm lại được vui vẻ, nên nói ái là nhân duyên của khổ.”

“Này người thiện nam! Ái có hai thứ” cho đến “Người cầu pháp Đại thừa, được gọi là Thiện.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kết nhóm tám khổ, nghĩa là điên đảo nặng nề, yêu thích công đức của Phật thì xem nhẹ. Vì thế phải dứt tám khổ.”

“Này người thiện nam! Kẻ phàm phu tham ái, gọi là “Tập”” cho đến “không vì ái mà thọ sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kinh này dùng trí để biết Tập, gọi là “Đế”. Phàm phu vì không biết “Tập”, nên Tập chẳng phải Đế. Bồ- tát thì “Đế” mà chẳng phải “Tập”. Vì sao? Là giải thích lý do vì sao là Đế mà chẳng phải Tập.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về đặt tên ái, hai chỗ tên và sinh như trước đã nói, đều là ái bất thiện của phàm phu. Nếu phát tâm ưa mến chánh pháp, dùng điều tốt đẹp làm lẽ sống với tâm tình vui vẻ nguyện cầu, thì gọi là ái thiện. Tên gọi dù đồng nhưng nghĩa thì cả hai đều khác nhau. Danh là đồng, tâm thì khác: Điều tự có chỗ về. Nhưng ái thiện tuy

đồng nhưng lại có chia làm hai. Nếu Bồ-tát phát tâm nhớ nghĩ quanh co, không lìa nhiễm trong duyên, thì gọi là yêu mến Đại thừa. Tiểu đạo của hàng Thanh văn dù muốn yêu điều lành, nhưng vì kiến giải không xứng với cảnh, nên trong tâm thường có chỗ sai trái về mong cầu điều tốt lành, bị rơi vào cống ái bất thiện. Nên biết rằng người Nhị thừa làm việc đạo không xứng với đạo, không sửa đổi tâm, nên không được xuất ly. Làm sao biết được? Câu dưới đây, là gom nhóm ái của phàm phu, gọi là “Tập”. Biết được người Nhị thừa chấp tướng ở tâm, chưa khởi sinh tử, không có dụng của đế. Bồ-tát tạo hạnh xuất gia không vì sinh tử mà vì tai hại lỗi lầm. Đã biết được lỗi lầm sinh tử, nên về tình cảm chấp mắc, bảo thủ, đối với Bồ-tát rất hời hợt, xa lạ. Vì lý do đó, nên dù Bồ-tát có yêu, cũng không gọi là “Tập”. Nếu vì chấp mắc cần phải thể hiện sự sinh để ứng hóa cứu độ chúng sinh, thì không gọi là Ái.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cho đến riêng dùng tánh ái làm nhân năm ấm. Xét: Pháp Sư Tăng Tông nói: “Đây là văn hội thông, thuyết xưa thì khác, xin giải thích về nguyên nhân đó.” “Phật khen Bồ-tát Ca-diếp: “Lành thay! Lành thay!” cho đến “Có

khả năng sinh ra tất cả mầm của nghiệp phiền não.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Mặc dù nghiệp và phiền não là nói về nhân của quả, nhưng ái là sự sinh của thọ sinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ hai, hội thông câu hỏi. Dù nói là có chiêu cảm nhân của ấm khác nhau, nhưng nếu chẳng phải ái thì không nói, dùng ba dụ cho để làm rõ.”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong Đại Niết-bàn Đại thừa này” cho đến “Đây gọi là như trách hàng Thanh văn, Duyên giác vì còn tập khí thừa của ái, nên không chứng được đạo Vô thượng Bồ-đề.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây là môn giáo. Ở đây, chỉ nói lỗi của ái, không nói là Tập, nên không dứt bỏ. Bồ-tát không yêu mà là Tập, nên dứt bỏ.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Quán sát tai hại lỗi lầm của ái.”

“Này người thiện nam! Thế nào là Như vợ La-sát?” cho đến “Quán sát kiết ái có chín thứ như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cứu vớt căn bản vô thượng của Tôn giả Xá-lợi-phất, tức có duyên khởi (Ghi chép từ Thích luận kia). Lại tương thừa giải thích rằng: “Bấy giờ, đã đến lục trụ, chưa được tâm thất trụ.” Có thuyết nói: “Hai mươi tâm trong ba mươi trụ tâm.”

“Này người thiện nam! Do nghĩa này nên” cho đến “Đại Bồ-tát có Đạo, có chân đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì quán sát khác nhau, mà nói là khổ, tập của giáo xưa, chỉ ở ba người. Nhân nói bốn người quán sát có khác nhau. Về thứ lớp ngôn ngữ được đề cập.

Bồ-tát có khả năng quán khổ quán, ưa thích tám tai họa vô thường. Nhân luận quán sát về sự khác nhau của người, cho rằng điên đảo là khổ. Ba người đều điên đảo, đều có khổ. Vì thấy khổ, nên gọi là đế. Ba người đều thấy khổ, nên có đế. Dưới đây phải lướt qua. Quán cõi Dục vô thường, như bệnh, được ra khỏi cõi Sắc là phàm phu thấy khổ. Vì ba người đối với Phật có khổ điên đảo, nên đối với đế không được gọi là chân. Hiểu khổ là sinh tử, không có khổ là Niết-bàn. Đối với hai pháp này không điên đảo, nói là không có khổ mà có chân đế. Khổ thô, tập tế. Phàm phu không thấy Tập, nên không có Đế. Có Tập đế nghĩa là có điên đảo đối với Phật, cảm thọ khổ biến dịch, nên gọi là Tập. Vì biết được nhân của phần đoạn, nên có Đế.

Trên đây chỉ nói phàm phu là “Tập”, không nói khổ biến dịch.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở trên đã nói Khổ đế, Tập đế rồi. Ở đây sẽ kết thành dụng của Đế:

Không thành dụng của đế, khảo sát nhận thức của phàm phu được sự sai quấy mà lừa dối. Rằng phàm phu có khổ, không có đế, nghĩa là phàm phu chỉ biết thô về sự khổ ép ngặt, mà không hiểu chắc chắn về nguyên nhân của khổ, nên không có dụng của Đế.

Người Nhị thừa có khổ đế, nghĩa là có sự khổ gây ép ngặt, chẳng phải không hiểu thô, mà dứt trừ nhân khổ, cho nên được nói là có dụng của đế.

Không có chân thật, nghĩa là không biết Đức Phật không có khổ. Vì hợp với Phật tạo ra quán khổ, nên không có chân thật. Các Bồ-tát hiểu khổ không thật khổ, nghĩa là ngày xưa, hiểu khổ không khổ, tánh là “Không”. Ngày nay, nhận hiểu Kim cương lại có khổ, quả Phật không có khổ. Lầm nói về hai nhà cho nên có chân đế. Dưới đây ba đế còn lại, so sánh, giải thích về nghĩa có thể hiểu. Đấng Đại sĩ nói cả hai luân, vì an pháp được nơi chốn, cho nên có chân.”

“Này người thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát” cho đến “Trụ trong Đại Niết-bàn để quán diệt Thánh đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kế là quán diệt đế, Đại Niết-bàn là diệt đế. Có đủ hai nghĩa:

1. Chỉ dứt phiền não.
2. Dứt tất cả tướng.

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ba đế đều không nói là có hai kiến. Ở đây

nói rằng kiến diệt, kiến đế, là sao? Vì Diệt có hai thứ:

1. Phật địa diệt.
2. Bồ-tát địa diệt.

Phật diệt mà chẳng phải đế, Bồ-tát diệt mà là đế. Đế, là dùng để chiếu soi cảnh. Đức Phật thì dứt chiếu sáng, bỏ xem xét, tức là Đức Phật không có Đế mà diệt. Bồ-tát có đế có diệt. Trên Phật không có đạo, cũng không có khổ đế, tập cũng vậy. Lại, kinh vì tự nói với văn như thế, nên chỉ có Diệt đế, chỉ nói là kiến diệt, kiến đế, đế còn lại thì không như vậy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong văn diệt đế thiếu, không có hội thông, có thể có nghĩa rộng, có nghĩa quán môn.

Dứt trừ tất cả phiền não, nghĩa là diệt của giáo xưa là phần diệt. Diệt của giáo nay là dứt vô minh trụ địa trở xuống, dứt hết ở đây. Dứt thì gọi là Thường, nghĩa là vì còn có “hoặc chưa dứt trừ, tất nhiên vẫn còn lưu động, dời đổi, lùi lại. Nay hoặc đã dứt hết, công dụng chiếu sáng cùng khắp, thế nên là Thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ba “Giải “theo thứ lớp. Hai lý khổ, tập trong diệt đế, là pháp hữu lậu, vì bị nhiều chỗ tai hại, cho nên mở ra quán riêng. Nay, hai đế diệt, đạo đã là vô lậu, không có tánh chẳng nhiệm chẳng , trói buộc, chỉ “Giải” hội thông nhau, có thuyết của hai môn. Trong diệt đế thì không có phân biệt văn hội thông, nhưng về nghĩa, suy ra có hai. Trong văn đạo đế, về sự của đạo đế tự khác.

Nay, đầu tiên thấy diệt, thấy diệt đế. Hai câu này tạo nên chỉ thú đối nhau dưới chương môn. Tám câu sau giải thích thấy diệt, nghĩa là thấy diệt xưa là thấy diệt đế, thấy ngày nay là lý chân như thường trụ. Đây là hội thông, cũng có thể nói rằng câu trên là tướng của Diệt đế.

Nói “Dứt trừ tất cả phiền não” nghĩa là giải thích câu “Thấy diệt” ở trên. Vì phiền não diệt, nên gọi là “Thường”, nghĩa là giải thích câu “Thấy diệt đế”.

Dập tắt lửa phiền não, thì gọi là vắng lặng, nghĩa là giải thích câu thấy diệt ở trên.

“Vì dứt phiền não nên được thọ hưởng niềm vui, trước giải thích câu “Thấy diệt đế”.

“Bồ-tát vì cầu nhân duyên, nên gọi là tịnh, nghĩa là giải thích câu “Thấy diệt đế”. Vì dứt hẳn tất cả phiền não nên gọi là xuất thế, là giải thích. Vì xuất cho nên gọi là ngã, nghĩa là giải thích câu “Thấy diệt đế” dưới đây, là bỏ câu giải thích “Thấy diệt”.

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát làm thế nào” cho đến “Trụ

trong Đại Niết-bàn để quán đạo Thánh đế?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây, là nói về đạo đế. Trước là quán đạo, tức là tướng xuất thế, không nhân khổ, tập, mà nhân tám Thánh.

Thấy tất cả pháp: Tám đạo cũng là Đế, đạo đế quán đạo. Diệt là quả, chỉ quán vô học. Đạo là nhân, quán chung địa học. Từ thường, vô thường, cho đến tịnh quán nhân, quả. Vô thường là nhân, thường là quả. Dưới đây sẽ y cứ vào nhân, quả để quán riêng. Về nghĩa, Đa-la-phiếu chân thật chủ. Cầu da là y, cũng là nghĩa trang nghiêm.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước nói về nghĩa rộng, gồm giải thích cả quán hạnh. Sau, nói về hội thông. Cái gọi là Thường, Vô thường, nghĩa là nêu cảnh được Đạo soi sáng, để nói về thể của quán. Thường là quả Phật. Vô thường là từ Kim cương trở xuống, là số chúng sinh. Kim cương là vật thể trong trói buộc. Quả Phật chẳng phải là vật thể bị buộc ràng.

Đa-la-phiếu: Mượn y đế, chủ đế để giải thích chánh nghĩa. Phật ở thể tông cùng cực, là Đa-la-phiếu.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Chư Phật Như lai đã lừa hấn sự nhận lầm từ lâu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không tương ứng, nghĩa là giáo nay nói Tám là đạo, còn giáo xưa thì không nói tám, nên chẳng phải đạo. Muốn nghe nói về Đạo, hoặc lược, hoặc rộng, cũng đều là đạo cả.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây là hội thông giáo xưa và nay.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật đáp: “Các kinh đều nhập đạo đế.” Y cứ ba nhân duyên để nói về nhập:

1. Môn nhân.
2. Môn duyên.
3. Thể của đạo, không ngoài ba pháp này.”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn khen Bồ-tát Ca-diếp” cho đến “Có thể có nhiều dạng nói pháp như thế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là nói rộng về tướng đạo. Có công năng giúp đỡ Bồ-đề, là giải thích nghĩa gốc. Bồ-đề là chánh thể của trí đạo, lấy tín làm gốc. Nói tin một việc, về sau so sánh một việc khác, dễ biết.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Các kinh như thế đều nhập đạo đế: Thuyết xưa dù có thể không đủ, nhưng đều là đạo. Tùy giáo hóa mà giảng nói, nên gọi là không đồng!”

“Này người thiện nam! Ví như người thầy thuốc hiểu rõ mọi căn bệnh của chúng sinh” cho đến “Vâng theo lời dặn của thầy thuốc, mà bệnh được lành.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với thuốc và những thứ cấm kỵ chỉ có nước là không theo lệ cấm. Một ngọn cỏ, một viên đá đều có công dụng của nó, bỏ thêm bột, chẳng phải đều có, mà nước thì không có ngăn ngại. Bồ thí, trì giới có sự khác nhau về hành chỉ, còn đạo thì suốt qua. Vì sao? Vì như kinh nói: “Đời có năm người, không khen năm việc, đó là không bỏn sẻn, khen ngợi bồ thí...”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong sáu ví dụ sau đây, ba ví dụ trước nói đạo là một, để tương ứng với ba ví dụ sau. Ba ví dụ sau lại tương ứng với thuyết trước, nói rõ, nói rộng về đạo là “Một”. Đại ý dụ cho này nói về đạo, dù có thể là “Một” nhưng vì căn bệnh của chúng sinh khác nhau, nên phương thuốc chữa trị cũng khác.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Các thứ thuốc là dụ cho những thời nói pháp khác nhau. Nước có một thứ, dụ cho đạo. Tánh của thuốc không đồng, dụ cho cái nơm tốt của đạo tinh tấn, của cơ nghi nhất thời, lấy tư chất cốt yếu của vô vi.”

“Lại nữa, này người thiện nam! Ví như có người” cho đến “Từ tín căn đến tám Thánh đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tiểu, khác với ví dụ trên. Từ tín căn đến tám Thánh đạo, nghĩa là nói một pháp làm tín, cho đến tám đạo làm tên lẫn nhau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đại ý ví dụ thứ hai, nói về đạo dù là “Một”, nhưng tùy từng địa phương mà đặt tên khác nhau.”

“Này người thiện nam! Ví như người thợ kim hoàn” cho đến “Vì chúng sinh mà phân biệt nhiều cách.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là tùy theo từng công dụng của đồ trang sức mà cách chế biến có khác nhau làm thí dụ. Đạo của Như lai tùy căn cơ của Đại thừa, Tiểu thừa mà có rộng lược khác nhau! Từ một đến chín là thuyết lẫn lộn của ba thừa. Dưới đây nói Đại thừa chỉ có một đạo, không có hai, nghĩa là Chư Phật ba đời có đồng thấy “Có”, không đồng với thấy “Không”, là đạo Đại thừa Định, Tuệ nghĩa là do giới xa, nên không nói. Thấy trí tuệ, nghĩa là tìm tòi gọi là “Kiến”. Hiểu rõ chân, gọi là tuệ. Xét định gọi là Trí. Kiến đạo nghĩa là như đắc quả, do sơ kiến, được gọi là trọng. Lại tu tập, mong cầu tiến lên quả trên, gọi là Tu. Kiết đã dứt hết, không còn tu, gọi là vô học.

Năm thứ nhân lợi, độn được định diệt tận, gọi là sáu thứ nhân

người nhân đạo.

Tam-muội niệm Phật: Chỉ có Phật niệm Phật, thật sự được tướng Phật, có thể gọi là định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ví dụ thứ ba nói về đạo, dù là một, nhưng vì vận dụng phương tiện, khéo léo, nên có nhiều thuyết khác nhau. Một đạo, đây là nói vì từng căn duyên khác nhau của chúng sinh, nên giáo pháp của Như lai khác nhau, thích hợp với ví dụ trước.

Đạo tín hạnh, pháp hạnh: Đại ý kinh này khác với quan điểm của Số Luận. Số Luận giải thích Tín hành, Pháp hành là năm phương tiện trở xuống. Xét về ý của văn này, cho đến kiến đế Trung đạo. Tín giải thoát kiến đặc vẫn là hai thứ trước để vào tư duy, thông qua pháp chế của ba quả. Thân chứng, nghĩa là hai người Tùy tín hành, Tùy pháp hành này đều có khả năng thân chứng.

Nói mười Lực, vô úy là đạo, là không có nghĩa cầu tiến, vì lực, vô úy kia đã có nghĩa của đạo giải thoát, cũng có thể là đạo nói trong duyên. Ba ví dụ sau, nghĩa rất dễ hiểu.

“Lại nữa, này thiện nam! Ví như một thứ lửa” cho đến “Vì hóa độ chúng sinh nên có nhiều thứ phân biệt.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói có: “Khả năng dứt trừ là đạo, ví dụ này đồng với đối tượng dứt trừ.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Ví như một thức” cho đến “Vì hóa độ các chúng sinh mà có nhiều thứ phân biệt.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sắc tùy theo đối tượng nương tựa mà có khác nhau. Đạo tùy ở Tiểu thừa, Đại thừa mà căn cơ có khác nhau.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Ví như một sắc” cho đến “Vô lượng chúng sinh được thoát sinh tử.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dựa vào kiến, là tên gọi.”

